

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 37/2021/TLST-KDTM ngày 28/5/2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng cho thuê tài chính”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T; Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 902 Centec Tower, số 72-74 Nguyễn T, phường V, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cho Soo C – Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Đức T – Chức vụ: Chuyên viên pháp lý – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 157/2021/UQ-VILC ngày 19/11/2021).

2. Bị đơn: Công ty V; Địa chỉ trụ sở: B15-15 Chung cư Sunrise C, 33 Nguyễn H, phường T, Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chức danh: Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 4/13 Lê V, khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố H; Tạm trú: Số 180 Lê V, phường T, Quận B, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ngày 26/04/2017, Công ty T và Công ty V ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00070-000 trong đó tài sản cho thuê còn lại theo Biên bản thanh lý một phần hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00070-000 ngày 19/3/2020 là: 01 Xe cần trục bánh xích BUCYRUS ERIE, model 88B, đã qua sử dụng, năm sản

suất: 2009, xuất xứ: Mỹ, biển số 50XA-4070, số khung: 122770, số máy: V26CB10773 theo Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng số 09905/XMCD do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2017 cho Công ty T.

2. Ngày 15/08/2017, Công ty T và Công ty V ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00169-000, trong đó tài sản cho thuê là: 01 Xe đào bánh xích HITACHI UH07, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2008, xuất xứ: Nhật Bản, số khung: UH-07-4-78674, số máy: 6BD1-533329 và 01 Xe ủi KOMATSU D20P-6, đã qua sử dụng, năm sản xuất: không xác định, xuất xứ Nhật Bản, biển số 50XA-4230, số khung: 67427, số máy: 4D95S-W-800-80 theo Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng số 10283/XMCD do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2017 cho Công ty T.

3. Ngày 18/10/2017, Công ty T và Công ty V ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00225-000, trong đó tài sản cho thuê là: 01 Xe đào bánh xích SUMIMOTO 280F2, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2005 tại Nhật Bản, biển số 50XA-4303, số khung: 280F2-9717, số máy: 6BDI-583494 theo Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng số 10423/XMCD do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2017 cho Công ty T; 01 Xe đào bánh xích SUMITOMO S260E, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2005 tại Nhật Bản, biển số 50XA-4302, số khung: 260EA-2456, số máy: W06D-A11934 theo Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng số 10422/XMCD do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2017 cho Công ty T; 01 Búa đóng Diesel KOBELCO K25, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2003 tại Nhật Bản; 01 Búa rung thủy lực E66 CITY, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2000 tại Nhật Bản.

4. Tính đến ngày 04/08/2022, Công ty V còn nợ Công ty T tổng số tiền của 03 (Ba) hợp đồng cho thuê tài chính trên (sau khi đã trừ các khoản tiền ký quỹ) là: 2,755,063,873 đồng (*Hai tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng*), cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 2017-00070-000 ngày 26/4/2017: Tổng nợ là 1,334,217,713 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi bốn triệu hai trăm mười bảy ngàn bảy trăm mười ba đồng*), trong đó: Nợ gốc là 956,340,440 đồng (*Chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi ngàn bốn trăm bốn mươi đồng*); Nợ lãi và khoản khác (phí bảo hiểm) là 377,877,273 đồng (*Ba trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm bảy mươi ba đồng*).

- Hợp đồng số 2017-00169-000 ngày 15/8/2017: Tổng nợ là 603,879,169 đồng (*Sáu trăm lẻ ba triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn một trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó: Nợ gốc là 451,344,307 đồng (*Bốn trăm năm mươi một triệu ba trăm bốn mươi bốn ngàn ba trăm lẻ bảy đồng*); Nợ lãi và khoản khác (phí bảo

hiểm) là 152,534,862 đồng (*Một trăm năm mươi hai triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng*).

- Hợp đồng số 2017-00225-000 ngày 18/10/2017: Tổng nợ là 816,966,991 đồng (*Tám trăm mười sáu triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi mốt đồng*), trong đó: Nợ gốc là 626,009,560 đồng (*Sáu trăm hai mươi sáu triệu không trăm lẻ chín ngàn năm trăm sáu mươi đồng*); Nợ lãi và khoản khác (phí bảo hiểm) là 190,957,431 đồng (*Một trăm chín mươi triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm ba mươi mốt đồng*).

5. Công ty T đồng ý cho Công ty V thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 04/8/2022 là 2,755,063,873 đồng (*Hai tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng*), chậm nhất vào ngày 31/12/2023, cụ thể:

Từ 05/8/2022 đến 11/8/2022: thanh toán trước số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*);

Từ 01/9/2022 đến 31/12/2022: thanh toán mỗi tháng 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*);

Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023: thanh toán hết số tiền còn lại là 2.455.063.873 đồng (*Hai tỷ bốn trăm năm mươi lăm triệu không trăm sáu mươi ba ngàn tám trăm bảy mươi ba đồng*).

Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 05/8/2022 trên nợ gốc với mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính trên cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên đúng thời gian đã thỏa thuận, Công ty V đồng ý giao trả tài sản thuê cho Công ty T xử lý để thu hồi nợ gồm:

- 01 Xe cần trục bánh xích BUCYRUS ERIE, model 88B, đã qua sử dụng, năm sản xuất: 2009, xuất xứ: Mỹ, biển số 50XA-4070, số khung: 122770, số máy: V26CB10773 theo Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng số 09905/XMCD do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2017 cho Công ty T theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00070-000 ngày 26/4/2017.

- 01 Xe đào bánh xích HITACHI UH07, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2008, xuất xứ: Nhật Bản, số khung: UH-07-4-78674, số máy: 6BD1-533329 và 01 Xe ủi KOMATSU D20P-6, đã qua sử dụng, năm sản xuất: không xác định, xuất xứ Nhật Bản, biển số 50XA-4230, số khung: 67427, số máy: 4D95S-W-800-80 theo Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng số 10283/XMCD do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/9/2017 cho Công ty T theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00169-0002 ngày 15/08/2017.

- 01 Xe đào bánh xích SUMIMOTO 280F2, đã qua sử dụng, sản xuất năm

2005 tại Nhật Bản, biển số 50XA-4303, số khung: 280F2-9717, số máy: 6BDI-583494 theo Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng số 10423/XMCD do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2017 cho Công ty T; 01 Xe đào bánh xích SUMITOMO S260E, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2005 tại Nhật Bản, biển số 50XA-4302, số khung: 260EA-2456, số máy: W06D-A11934 theo Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng số 10422/XMCD do Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2017 cho Công ty T; 01 Búa đóng Diesel KOBELCO K25, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2003 tại Nhật Bản; 01 Búa rung thủy lực E66 CITY, đã qua sử dụng, sản xuất năm 2000 tại Nhật Bản theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00225-000 ngày 18/10/2017.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê trên không đủ bù đắp các khoản nợ thì Công ty V có nghĩa vụ thanh toán tiếp cho đến khi dứt các khoản nợ trên.

Trường hợp Công ty V không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì người bảo lãnh là ông Nguyễn Văn Hồng có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00070-000 ngày 26/4/2017, Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00169-000 ngày 15/8/2017 và Hợp đồng cho thuê tài chính số 2017-00225-000 ngày 18/10/2017.

6. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 43.550.639 đồng (*Bốn mươi ba triệu năm trăm năm mươi ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng*), Công ty V tự nguyện chịu.

Hoàn lại cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.693.851 đồng (*Ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi ba ngàn tám trăm năm mươi một đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0042646 ngày 28/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (Sang.TK).

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân